

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 29/12/2017

V/v: Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Hương và bà Lê Thị Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Giang Yên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh H

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hằng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 70/2017/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2017 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2017/QĐST – HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đào Bích N, sinh năm 1989; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn C, xã A, huyện B, tỉnh H; nơi đăng ký tạm trú và cư trú: Xóm 4, thôn V, xã T, huyện Th, tỉnh T; có mặt.

Bị đơn: Anh Cù Văn C, sinh năm 1979; nơi đăng ký HKTT và cư trú tại: Thôn C, xã A, huyện B, tỉnh H. Vắng mặt, không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 08/8/2017 và trong quá trình giải quyết tại tòa, nguyên đơn chị Đào Bích N trình bày:

Về hôn nhân: Chị đăng ký kết hôn với anh Cù Văn C tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh H vào ngày 05/01/2010, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Vợ chồng chung sống hòa thuận đến ngày 22/5/2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh C chơi bời, không tu trí làm ăn, bạn bè rủ rê nên đã sa vào tệ nạn xã hội, nghiện ma túy, đã bị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh H xử phạt 36 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” (tháng 9/2013). Bên cạnh đó, vợ chồng chung sống đã lâu mà chưa có con, chị N đã chữa trị nhiều nơi nhưng không có kết quả. Quá trình chung sống, anh C thường xuyên lấy tiền, tài sản của chị và gia đình để mua ma túy sử dụng và tiêu sài cá nhân. Chị đã khuyên bảo anh C sửa đổi nhiều lần nhưng anh không nghe lại còn mắng chửi và đánh chị. Trong thời gian anh C chấp hành hình phạt tại trại giam chị thường xuyên thăm nom với mong muốn anh C nghĩ lại để làm lại cuộc đời nhưng anh C không chịu thay đổi tính nết. Sau khi ra trại, anh C vẫn

chúng nào tạt ấy, chị rất chán nản, vợ chồng thường xuyên đánh cãi chửi nhau. Đến ngày 28/2/2017, vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng, anh C đã đánh và đuổi chị nên chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại Xóm 4, thôn V, xã T, huyện Th, tỉnh T sống không về chung sống cùng anh C nữa. Vợ chồng ly thân từ thời gian này cho đến nay, đời sống chung vợ chồng đã chấm dứt. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, sống với anh C không có tương lai, hạnh phúc nên chị tha thiết đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh C để sớm ổn định cuộc sống.

Tại phiên tòa hôm nay anh C vắng mặt lần hai không có lý do, tại bản tự khai ngày 09/10/2017 và tại phiên hòa giải ngày 16/10/2017, 08/11/2017 bị đơn anh Cừ Văn C xác định:

Về hôn nhân: Anh đăng ký kết hôn với chị Đào Bích N tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh H vào ngày 05/01/2010, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc đến ngày 22/5/2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh mãi chơi, bị bạn bè rủ rê nên đã nghiện ma túy. Anh làm được bao nhiêu tiền anh chơi hết bấy nhiêu, anh còn lấy tiền của chị N và gia đình để chi tiêu và mua ma túy về sử dụng. Chị N và gia đình đã khuyên bảo nhưng anh không nghe. Ngoài ra, vợ chồng chung sống đã lâu mà không có con mặc dù vợ chồng đã chạy chữa nhưng không có kết quả. Vợ chồng không bảo ban nhau làm ăn, kinh tế gia đình khó khăn. Vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cãi nhau. Đến tháng 2/2017, vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng anh đã đánh đuổi chị N nên chị đã về nhà bố mẹ đẻ tại Xóm 4, thôn V, xã T, huyện Th, tỉnh T sống không về chung sống cùng anh. Vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ đó đến nay, đời sống chung vợ chồng đã chấm dứt. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh không nhất trí ly hôn, anh xin đoàn tụ.

Về nuôi con chung: Chị Đào Bích N và anh Cừ Văn C đều xác định vợ chồng không có con chung; anh chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng, tài sản chung, công nợ, công sức, trợ cấp khó khăn sau ly hôn, đất nông nghiệp trồng cây hàng năm: Chị Đào Bích N và anh Cừ Văn C đều không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh H phát biểu ý kiến: Về tố tụng, TAND huyện B thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền; quá trình giải quyết vụ án tại tòa và xét xử tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định tố tụng dân sự; nguyên đơn đã chấp hành và thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành và thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Xử cho ly hôn giữa chị Đào Bích N và anh Cừ Văn C; về án phí ly hôn sơ thẩm: chị Đào Bích N phải chịu 300.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa chị Đào Bích N và anh Cù Văn C là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 05/01/2010 tại UBND xã A, huyện B, tỉnh H là phù hợp với quy định của Luật hôn nhân và gia đình, được pháp luật bảo vệ.

Sau khi kết hôn anh chị chung sống hoà thuận hạnh phúc đến ngày 22/5/2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh C chơi bời, không tu trí làm ăn, bạn bè rủ rê nên đã sa vào tệ nạn xã hội, nghiện ma túy, đã bị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh H xử phạt 36 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” (tháng 9/2013). Bên cạnh đó, vợ chồng chung sống đã lâu mà chưa có con, chị N đã chữa trị nhiều nơi nhưng không có kết quả. Vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ tháng 2/2017. Mặc dù anh C xin đoàn tụ nhưng anh cũng không có biện pháp gì để cải thiện mối quan hệ của vợ chồng, tại biên bản làm việc giữa Tòa án với chính quyền địa phương xã A thì mâu thuẫn vợ chồng chị N, anh C rất căng thẳng, việc về đoàn tụ là không thể, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn theo quy định. Hội đồng xét xử thấy rằng, mâu thuẫn của vợ chồng anh chị đã trầm trọng, đời sống chung vợ chồng đã chấm dứt, mục đích của hôn nhân không đạt được, xét thấy việc anh C xin đoàn tụ là không thiện chí, chỉ là gây khó khăn cho cuộc sống của chị N mà thôi. Do vậy, cần xử cho chị N được ly hôn anh C là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về nuôi con chung: Chị N, anh C đều xác định vợ chồng không có con chung, ly hôn anh chị đều không đề nghị Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[3] Về tài sản riêng, tài sản chung, công nợ, công sức, trợ cấp khó khăn sau ly hôn, đất nông nghiệp trồng cây hàng năm: Ly hôn anh chị đều không đề nghị Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị N phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Đào Bích N và anh Cù Văn C
2. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Đào Bích N phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng)

Chuyển số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) mà chị N đã nộp tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B theo biên lai số AA/2015/0000989 ngày 09/10/2017 thành án phí ly hôn sơ thẩm mà chị phải nộp (chị N đã thi hành xong tiền án phí ly hôn sơ thẩm).

Chị Đào Bích N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, anh Cù Văn C có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được

bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh H.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh H;
- VKSND huyện Bi;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã A;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, VPTA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Thị Ngọc